

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2025/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển;

Xét Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 180/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 18.

2. Hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số theo quy định tại khoản 4 Điều 28.

3. Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 29.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn theo quy định tại khoản 2 Điều 39.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn theo quy định tại khoản 6 Điều 40.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án/hoạt động đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ số được hưởng chính sách hỗ trợ sau đầu tư; trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ của nhiều chính sách từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc các chương trình, dự án khác thì được lựa chọn một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

2. Mức hỗ trợ cụ thể cho từng dự án, hoạt động được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương quy định tại Nghị quyết này và pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Các khoản hỗ trợ được căn cứ kết quả nghiệm thu, thẩm định, xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc đơn vị thẩm định chuyên môn; trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ, chứng từ, báo cáo của tổ chức, doanh nghiệp phải đầy đủ, hợp lệ và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định.

5. Dự án không hoàn thành, sử dụng sai mục đích hoặc báo cáo không trung thực phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

6. Việc giải ngân kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo tiến độ triển khai nội dung hỗ trợ đã được phê duyệt.

7. Thông tin về các dự án, doanh nghiệp được hỗ trợ được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang sau khi có kết quả phê duyệt hoặc báo cáo được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 4. Hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.

b) Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

c) Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có nhu cầu thuê, thu hút nhân lực chất lượng cao, chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ số.

b) Doanh nghiệp có hoạt động đào tạo nghề cho lao động địa phương phục vụ dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số.

c) Dự án khởi nghiệp sáng tạo có nhu cầu đào tạo ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, phát triển sản phẩm, marketing số, sở hữu trí tuệ.

d) Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn có nhu cầu mời chuyên gia, giảng viên quốc tế để đào tạo nhân lực.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối với thuê nhân lực chất lượng cao, chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ số: Doanh nghiệp có hợp đồng lao động hoặc văn bản thỏa thuận hợp tác với nhân sự; nhân sự được thuê phải đáp ứng các tiêu chí đối với chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Điều 3 và đã thực hiện quy trình tuyển chọn theo Điều 4 Nghị định số 249/2025/NĐ-CP.

b) Đối với đào tạo lao động: Lao động được đào tạo và ký hợp đồng làm việc từ 12 tháng trở lên.

c) Phát triển nhân lực khởi nghiệp: Các khóa đào tạo ngắn hạn phải liên quan trực tiếp đến nội dung dự án.

d) Đối với chuyên gia bán dẫn: Có hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác với chuyên gia, giảng viên quốc tế.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao: Hỗ trợ 50% chi phí trả lương cho chuyên gia, nhân lực công nghệ số chất lượng cao trong 12 tháng nhưng không quá 80 triệu đồng/người/tháng và không quá 03 người/dự án (gồm lương, thưởng, điều kiện làm việc, chế độ phúc lợi xã hội).

b) Chi phí đào tạo lao động: Hỗ trợ chi phí đào tạo cho lao động, mức hỗ trợ 10 triệu đồng/lao động/dự án (áp dụng với lao động có ký hợp đồng làm việc từ 12 tháng trở lên) nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

c) Chi phí phát triển nhân lực khởi nghiệp: Hỗ trợ chi phí các khóa đào tạo ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, phát triển sản phẩm, marketing số, sở hữu trí tuệ nhưng không quá 50 triệu đồng/dự án.

d) Chi phí mời chuyên gia đào tạo nhân lực bán dẫn: Hỗ trợ 50% chi phí mời chuyên gia, giảng viên quốc tế nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án.

Điều 5. Hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ: Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án có quy mô vốn đầu tư (không bao gồm tiền thuê đất) từ 50 tỷ đồng trở lên.

b) Dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN.

c) Dự án tạo ra sản phẩm công nghệ số có giá trị gia tăng cao, có tiềm năng xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Dự án được cấp Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) theo quy định của pháp luật về đầu tư.

b) Dự án phù hợp với các quy hoạch của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Nhà đầu tư hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) và không vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai dự án.

d) Dự án chưa được hỗ trợ từ chính sách khác của tỉnh với cùng nội dung hỗ trợ.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Chi phí đầu tư xây dựng nhà máy: Hỗ trợ 50% chi phí san lấp mặt bằng theo đơn giá thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

b) Chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Hỗ trợ 30% tổng chi phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, chiếu sáng trong khuôn viên dự án nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

c) Chi phí trang thiết bị máy móc: Hỗ trợ 20% chi phí mua sắm dây chuyền máy móc, thiết bị công nghệ cao, tự động hóa nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án.

Điều 6. Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ: Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án có mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số, đổi mới sáng tạo.

b) Dự án có sản phẩm, dịch vụ đã qua giai đoạn nghiên cứu, đang trong giai đoạn thử nghiệm hoặc bắt đầu thương mại hóa.

c) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được thành lập không quá 05 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

d) Dự án có tiềm năng tăng trưởng nhanh, giải quyết các bài toán thực tiễn của tỉnh hoặc thị trường.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

b) Dự án được Hội đồng thẩm định đánh giá là khả thi và có tính đổi mới sáng tạo.

c) Doanh nghiệp cam kết triển khai dự án và duy trì hoạt động tại Tuyên Quang tối thiểu 03 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Chi phí nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm: Hỗ trợ 70% chi phí nghiên cứu, hoàn thiện sản phẩm mẫu, kiểm thử nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án.

b) Chi phí tư vấn khởi nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn pháp lý, tư vấn tài chính, kế toán, tư vấn đăng ký sở hữu trí tuệ nhưng không quá 40 triệu đồng/dự án.

c) Chi phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ: Hỗ trợ 50% chi phí mua bản quyền phần mềm, giải pháp công nghệ, bằng sáng chế nhưng không quá 100 triệu đồng/dự án.

Điều 7. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án tập trung vào một trong các lĩnh vực: Đào tạo nguồn nhân lực thiết kế vi mạch, kiểm thử; nghiên cứu và phát triển các công đoạn trong chuỗi giá trị bán dẫn.

b) Dự án có sự liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp Việt Nam: Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP.

b) Doanh nghiệp có sản phẩm mẫu, thiết kế sở hữu trí tuệ, nền tảng mô phỏng hoặc giải pháp thiết kế chip cụ thể; có kế hoạch thương mại hóa hoặc ứng dụng trong các lĩnh vực công nghiệp, quốc phòng, nông nghiệp, đô thị thông minh, AI, IoT...

c) Doanh nghiệp có tối thiểu 05 kỹ sư, chuyên gia chuyên ngành thiết kế vi mạch, điện tử, công nghệ thông tin; đội ngũ quản lý dự án có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu, thiết kế hoặc phát triển sản phẩm công nghệ cao.

d) Doanh nghiệp có hợp tác nghiên cứu, đào tạo hoặc chuyển giao công nghệ với viện, trường, doanh nghiệp trong, ngoài nước; dự án có tác động thúc đẩy hình thành chuỗi cung ứng, hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn tại tỉnh.

e) Doanh nghiệp có phương án tài chính khả thi, khả năng duy trì hoạt động ổn định, tái đầu tư và mở rộng quy mô; cam kết báo cáo, giám sát, công khai kết quả sử dụng nguồn hỗ trợ theo quy định.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Chi phí phục vụ đào tạo và nghiên cứu: Hỗ trợ 50% chi phí mua sắm trang thiết bị phòng thí nghiệm (Lab), phần mềm thiết kế chuyên dụng nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

b) Chi phí nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm: Hỗ trợ 40% chi phí nghiên cứu, vật tư tiêu hao, sản xuất thử nghiệm (Fabless) và đăng ký sở hữu trí tuệ nhưng không quá 5 tỷ đồng/dự án.

c) Chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ: Hỗ trợ 30% chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ phục vụ nghiên cứu và kiểm thử nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án.

Điều 8. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn

1. Đối tượng hỗ trợ: Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp (vật tư, hóa chất, linh kiện, khuôn mẫu đặc chủng) phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn hoặc dự án sản xuất thiết bị điện tử, vi mạch sử dụng chip bán dẫn “Make in Vietnam”.

b) Sản phẩm của doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt của ngành bán dẫn, điện tử.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP.

b) Có năng lực nghiên cứu, thiết kế hoặc sản xuất trong lĩnh vực vi mạch - điện tử; có tối thiểu 05 kỹ sư, chuyên gia chuyên ngành điện tử, công nghệ thông tin, vật liệu bán dẫn hoặc cơ điện tử; đội ngũ quản lý có kinh nghiệm triển khai dự án công nghệ cao.

c) Dự án có khả năng thúc đẩy hình thành chuỗi cung ứng, tăng tỷ lệ nội địa hóa hoặc hỗ trợ trực tiếp các dự án thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn trong nước; có hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước.

d) Dự án tạo việc làm cho lao động kỹ thuật cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp của tỉnh, chuyển giao công nghệ tiên tiến hoặc có sản phẩm có khả năng thay thế nhập khẩu.

e) Có phương án tài chính khả thi, khả năng duy trì hoạt động ổn định, tái đầu tư và mở rộng quy mô; cam kết báo cáo, giám sát, công khai kết quả sử dụng nguồn hỗ trợ theo quy định.

4. Nội dung hỗ trợ

a) Chi phí sản xuất mẫu thử và khuôn mẫu: Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế, chế tạo khuôn mẫu, vật tư tiêu hao để sản xuất sản phẩm mẫu (First Article) gửi đối tác thẩm định. Mức hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/dự án.

b) Chi phí kiểm định và chứng nhận chất lượng: Hỗ trợ 50% chi phí đo kiểm, hiệu chuẩn, thử nghiệm và cấp giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu của chuỗi cung ứng. Mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/dự án.

c) Chi phí đầu tư thiết bị và công nghệ: Hỗ trợ 30% chi phí mua sắm dây chuyền, thiết bị mới, bản quyền công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất, độ chính xác của sản phẩm. Mức hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/dự án.

Điều 9. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

a) Tổ chức/doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (thành phần hồ sơ được quy định tại các Phụ lục của Nghị quyết này). Cách thức nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản để Tổ chức/doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, các thành viên là lãnh đạo Sở Tài chính và các sở ngành liên quan, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án triển khai; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc thành phần khác (nếu cần thiết). Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, thì trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho tổ chức/doanh nghiệp biết.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XIX, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính – Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (H.Loan).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Trà

PHỤ LỤC
THÀNH PHẦN HỒ SƠ MẪU
HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC DỰ ÁN, DOANH NGHIỆP
HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG
(Kèm theo Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

Phụ lục I
ÁP DỤNG CHO: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP
CÔNG NGHỆ SỐ (theo Điều 4)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

1. Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí (Mẫu số 01).
2. Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 02).
3. Tài liệu chứng minh chi tiết theo từng nội dung:
 - a) Thuê nhân lực chất lượng cao: Hợp đồng lao động; hồ sơ chứng minh năng lực chuyên gia (bằng cấp, lý lịch khoa học) đáp ứng Nghị định số 249/2025/NĐ-CP; bảng lương và chứng từ thanh toán qua ngân hàng.
 - b) Đào tạo nghề: Danh sách học viên; hợp đồng đào tạo; hợp đồng lao động ký kết sau đào tạo (tối thiểu 12 tháng); hóa đơn, chứng từ thanh toán chi phí đào tạo.
 - c) Đào tạo khởi nghiệp/Chuyên gia bán dẫn: Hợp đồng với đơn vị đào tạo/chuyên gia; nội dung chương trình đào tạo; chứng từ thanh toán.

II. ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ (Mẫu số 01)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyền Quang, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ
PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyền Quang.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Đại diện pháp luật: Chức vụ:
5. Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Đơn vị tự tính toán dựa trên chi phí thực tế, không vượt quá định mức quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết)

STT	Nội dung hỗ trợ	Số lượng (người/khóa)	Tổng chi phí thực tế (VNĐ)	Mức hỗ trợ quy định	Số tiền đề nghị hỗ trợ (VNĐ)
1	Hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao	... người		50% chi phí (tối đa 80 triệu đồng/người/tháng)	
2	Hỗ trợ chi phí đào tạo cho lao động	... người		10 triệu đồng/người	
3	Hỗ trợ chi phí các khóa đào tạo ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, phát triển sản phẩm, marketing số, sở hữu trí tuệ	... khóa		Tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án	
4	Mời chuyên gia đào tạo nhân lực bán dẫn	... người		50% chi phí (tối đa 02 tỷ đồng/dự án)	
	TỔNG CỘNG				

III. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Cam kết các hồ sơ, chứng từ cung cấp là hoàn toàn trung thực.
2. Cam kết nhân sự được hỗ trợ đang làm việc thực tế tại dự án.
3. Đối với đào tạo lao động: Cam kết sử dụng lao động tối thiểu 12 tháng sau đào tạo.
4. Doanh nghiệp chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả kinh phí nếu vi phạm.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

III. BẢN THUYẾT MINH ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ HỖ TRỢ (Mẫu số 02)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN/DOANH NGHIỆP

1. Tên đơn vị chủ trì:

2. Tên dự án:

(Ghi đúng tên dự án trong Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Địa điểm thực hiện:

4. Loại hình dự án (Đánh dấu X vào ô phù hợp theo khoản 1 Điều 4):

- Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm.
- Dự án chip bán dẫn (R&D, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử).
- Dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo (AI).
- Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.
- Doanh nghiệp thiết kế chip bán dẫn.

II. NỘI DUNG GIẢI TRÌNH CHI TIẾT

(Doanh nghiệp chỉ kê khai các mục đề nghị hỗ trợ tương ứng với Đơn đề nghị)

MỤC A. THUÊ NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

(Áp dụng cho trường hợp thuê chuyên gia, nhân lực theo điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 4)

1. Thông tin nhân sự đề nghị hỗ trợ:

(Tối đa 03 người/dự án)

STT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh/Vị trí công việc	Mức lương ký HĐ (VNĐ/tháng)
1				
2				
3				

2. Giải trình đáp ứng tiêu chuẩn chuyên gia:

Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP, chúng tôi giải trình năng lực của nhân sự như sau:

- **Đối với nhân sự thứ nhất (Ông/Bà ...):**

- Bằng cấp/Chứng chỉ:
- Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ số/bán dẫn:
- Các dự án công nghệ đã chủ trì hoặc tham gia:

- Thành tích/Giải thưởng khoa học công nghệ (nếu có):
- **Đối với nhân sự thứ hai (Ông/Bà...):**.....

3. Nhiệm vụ cụ thể:

(Mô tả công việc chuyên gia thực hiện tại Tuyên Quang: Ví dụ: Thiết kế kiến trúc phần mềm, chuyển giao công nghệ lõi, đào tạo đội ngũ kế cận...)

.....

MỤC B. ĐÀO TẠO CHO LAO ĐỘNG

1. Kế hoạch đào tạo:

- Tên khóa đào tạo/Nghề đào tạo:
- Đơn vị liên kết đào tạo (nếu có):
- Thời gian đào tạo: Từ đến
- Tổng kinh phí đào tạo thực tế:

2. Giải trình về nhân sự tham gia:

- Tổng số lao động được đào tạo: người.
- Số lượng lao động là người địa phương: người.

3. Cam kết sử dụng lao động:

- Chúng tôi đã ký hợp đồng làm việc với số lao động trên từ ngày:
- Thời hạn hợp đồng: (Yêu cầu từ 12 tháng trở lên).
- Vị trí làm việc sau đào tạo:

MỤC C. ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

1. Thông tin khóa đào tạo ngắn hạn:

- Tên khóa học:
- Nội dung đào tạo (Chọn mục phù hợp):
 Quản trị doanh nghiệp; Phát triển sản phẩm; Marketing số; Sở hữu trí tuệ.
- Đơn vị tổ chức đào tạo:

2. Sự cần thiết của khóa học:

(Giải trình khóa học này giúp ích gì trực tiếp cho nội dung dự án khởi nghiệp đang triển khai)

MỤC D. THUÊ CHUYÊN GIA ĐÀO TẠO NHÂN LỰC BÁN DẪN

1. Thông tin chuyên gia/Giảng viên quốc tế:

- Họ tên:
- Quốc tịch:

- Đơn vị công tác (Trường ĐH/Tập đoàn nước ngoài):
- 2. Nội dung hợp tác:
 - Hình thức hợp tác (Hợp đồng hay Thỏa thuận hợp tác):
 - Nội dung đào tạo (Thiết kế vi mạch, kiểm thử, quy trình Fables...):
 -
 - Số lượng nhân lực dự kiến được đào tạo: người.

III. HIỆU QUẢ DỰ KIẾN CỦA NGUỒN NHÂN LỰC ĐƯỢC HỖ TRỢ

1. Về mặt kỹ thuật/công nghệ: (Ví dụ: Làm chủ được công nghệ thiết kế mới, vận hành dây chuyền tự động hóa, giảm thiểu lỗi sản phẩm...)

.....

2. Về mặt kinh tế - xã hội: (Ví dụ: Tạo việc làm ổn định cho lao động địa phương, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...)

.....

IV. CAM KẾT CỦA ĐƠN VỊ

1. Cam kết các thông tin kê khai trong bản thuyết minh này là đúng sự thật.
2. Cam kết nhân sự (chuyên gia/lao động) được đề nghị hỗ trợ đang làm việc thực tế tại dự án.
3. Cam kết thực hiện đúng quy định hoàn trả kinh phí nếu sử dụng sai mục đích hoặc không hoàn thành dự án theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết này.

....., ngày tháng năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục II**ÁP DỤNG CHO: DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ SỐ (theo Điều 5)****I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

1. Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 03).
2. Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 04).
3. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
4. Hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng được phê duyệt.
5. Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn GTGT mua sắm máy móc/xây dựng.
6. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục.

II. ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ (Mẫu số 03)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ
DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ SỐ

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Đại diện pháp luật: Chức vụ:
5. Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Đơn vị điền thông tin vào các mục tương ứng)

STT	Hạng mục đầu tư	Giá trị quyết toán/nghiệm thu (VNĐ)	Tỷ lệ hỗ trợ	Số tiền đề nghị hỗ trợ (VNĐ)	Giới hạn tối đa (Tỷ đồng)
1	Chi phí san lấp mặt bằng		50%		05

STT	Hạng mục đầu tư	Giá trị quyết toán/nghiệm thu (VNĐ)	Tỷ lệ hỗ trợ	Số tiền đề nghị hỗ trợ (VNĐ)	Giới hạn tối đa (Tỷ đồng)
2	Hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước...)		30%		10
3	Mua sắm máy móc, thiết bị		20%		15
	TỔNG CỘNG				

III. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Cam kết dự án có tổng vốn đầu tư (không bao gồm tiền đất) đạt từ 50 tỷ đồng trở lên.
2. Cam kết sử dụng tối thiểu 50% lao động là người có hộ khẩu thường trú tại Tuyên Quang khi đi vào hoạt động ổn định.
3. Cam kết chưa nhận hỗ trợ từ chính sách nào khác của tỉnh cho cùng nội dung này.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

III. BẢN THUYẾT MINH ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ HỖ TRỢ (Mẫu số 04)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án đầu tư:
(Ghi chính xác theo Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
2. Chủ đầu tư:
3. Địa điểm thực hiện dự án:
4. Mục tiêu dự án:
(Ví dụ: Sản xuất linh kiện điện tử, lắp ráp chip bán dẫn, xây dựng trung tâm dữ liệu AI...)
5. Quy mô dự án:
 - Công suất thiết kế:
 - Diện tích đất sử dụng: m².

II. ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ HỖ TRỢ (theo khoản 2 Điều 5)

1. Về quy mô vốn đầu tư:

- Tổng vốn đầu tư của dự án:VNĐ.
- Chi phí thuê đất (nếu có):VNĐ.
- Vốn đầu tư (không bao gồm tiền thuê đất):VNĐ.

(Yêu cầu: Phải từ 50 tỷ đồng trở lên)

2. Về công nghệ sử dụng:

- Mô tả dây chuyền công nghệ chính:
- Giải trình tính tiên tiến/phù hợp:
 - [] Thuộc Danh mục công nghệ/thiết bị bán dẫn khuyến khích đầu tư (theo Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN).

○ [] Là dây chuyền máy móc, thiết bị công nghệ cao, tự động hóa (liệt kê tên các máy móc, thiết bị chủ lực thể hiện tính chất này).

- Về sản phẩm đầu ra:
- Tên sản phẩm chính:
- Đánh giá giá trị gia tăng của sản phẩm:
- Tiềm năng thị trường:
 - [] Có tiềm năng xuất khẩu (thị trường dự kiến:
 - [] Có khả năng thay thế hàng nhập khẩu.

III. ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ (theo khoản 3 Điều 5)

1. Về pháp lý dự án:

- Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận ĐKĐT số:
Do cơ quan: Cấp ngày:

- Tình trạng pháp lý về đất đai (đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính?):

2. Về cam kết sử dụng lao động địa phương:

- Tổng số lao động dự kiến khi hoạt động ổn định: người.
- Số lượng lao động là người địa phương (hộ khẩu Tuyên Quang):người.
- Tỷ lệ lao động địa phương: % (yêu cầu: Tối thiểu 50%).

3. Về tính không trùng lặp:

- Doanh nghiệp cam kết hạng mục đề nghị hỗ trợ này chưa được nhận hỗ trợ từ bất kỳ chính sách nào khác của tỉnh Tuyên Quang.

IV. CHI TIẾT HẠNG MỤC ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Doanh nghiệp giải trình chi tiết cho các hạng mục đã tích chọn trong Đơn đề nghị)

1. Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng: (Hỗ trợ 50%, tối đa 05 tỷ đồng).

- Diện tích san lấp thực tế:m².
 - Đơn giá san lấp (theo dự toán/quyết toán được duyệt):
 - Tổng chi phí san lấp:VNĐ.
 - **Số tiền đề nghị hỗ trợ:**VNĐ.
2. Hỗ trợ chi phí hạ tầng kỹ thuật: (Hỗ trợ 30%, tối đa 10 tỷ đồng)
- Gồm các hạng mục (liệt kê chi tiết: Hệ thống xử lý nước thải, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, chiếu sáng...):
 - Hạng mục A: Giá trị:VNĐ.
 - Hạng mục B: Giá trị:VNĐ.
 - Tổng chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật:VNĐ.
 - **Số tiền đề nghị hỗ trợ:**
.....VNĐ.
3. Hỗ trợ chi phí trang thiết bị máy móc: (Hỗ trợ 20%, tối đa 15 tỷ đồng)
- Danh mục máy móc, thiết bị công nghệ cao/tự động hóa đề nghị hỗ trợ: (Kèm theo Bảng kê chi tiết gồm: Tên thiết bị, model, nước sản xuất, năm sản xuất, giá trị).
 - Tổng giá trị mua sắm:VNĐ.
 - **Số tiền đề nghị hỗ trợ:**VNĐ.

V. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

1. Đóng góp vào ngân sách địa phương (dự kiến/năm):
2. Giải quyết việc làm (số lượng, thu nhập bình quân):
3. Tác động lan tỏa (thúc đẩy các ngành dịch vụ, phụ trợ khác):

VI. CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

1. Cam kết số liệu tài chính, hồ sơ chứng từ (hợp đồng, hóa đơn, biên bản nghiệm thu) là trung thực, chính xác.
2. Cam kết sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, nếu sai phạm xin hoàn trả toàn bộ và chịu trách nhiệm trước pháp luật.
3. Cam kết duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa phương theo đúng quy định.

....., ngày tháng năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III**ÁP DỤNG CHO: DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO (theo Điều 6)****I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

1. Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 05).
2. Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 06).
3. Hợp đồng tư vấn, hợp đồng chuyên gia công nghệ.
4. Chứng từ chi phí R&D, sản xuất thử nghiệm.

II. ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ (Mẫu số 05)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Tuyên Quang, ngày ... tháng ... năm 20...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Đại diện pháp luật: Chức vụ:
5. Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Bảng tính toán kinh phí:

Nội dung	Chi phí thực tế	Tỷ lệ hỗ trợ	Đề nghị hỗ trợ	Tối đa
1. Chi phí nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm		70%		300 triệu đồng
2. Chi phí tư vấn khởi nghiệp		100%		40 triệu đồng
3. Chi phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ		50%		100 triệu đồng

CAM KẾT: Cam kết triển khai dự án và duy trì hoạt động tại Tuyên Quang tối thiểu 03 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

III. BẢN THUYẾT MINH ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ HỖ TRỢ (Mẫu số 6)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy chứng nhận ĐKDN số: Ngày cấp lần đầu:
(Lưu ý: Doanh nghiệp phải thành lập không quá 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ)

3. Người đại diện theo pháp luật:

4. Tên dự án khởi nghiệp:

5. Lĩnh vực công nghệ áp dụng:

(Ví dụ: Big Data, AI, Blockchain, IoT, Fintech, Edtech, E-commerce...)

II. ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ HỖ TRỢ (theo khoản 2 Điều 6)

1. Mô hình kinh doanh và Công nghệ cốt lõi:

- Mô tả sản phẩm/dịch vụ:
- Công nghệ số cốt lõi: (Giải trình rõ yếu tố công nghệ tạo nên sự khác biệt, tính mới của sản phẩm).....
- Mô hình tạo doanh thu: (Bán sản phẩm, thu phí thuê bao, phí dịch vụ...)
.....

2. Giai đoạn phát triển của sản phẩm: (Đánh dấu X vào ô phù hợp và mô tả chi tiết)

- Giai đoạn thử nghiệm (Beta): Đã hoàn thành nghiên cứu, đang chạy thử nghiệm nội bộ hoặc nhóm nhỏ khách hàng.
- Giai đoạn thương mại hóa: Đã có sản phẩm hoàn thiện, bắt đầu bán ra thị trường.

• Mô tả hiện trạng:

3. Tiềm năng tăng trưởng và giải quyết vấn đề thực tiễn:

- Bài toán thực tiễn: Dự án giải quyết vấn đề gì của tỉnh Tuyên Quang hoặc thị trường? (Ví dụ: Chuyển đổi số nông nghiệp, quản lý du lịch thông minh, giáo dục trực tuyến...)

• Quy mô thị trường mục tiêu:

• Dự kiến doanh thu (03 năm tới):

○ Năm 1: VNĐ.

○ Năm 2: VNĐ.

○ Năm 3: VNĐ.

III. ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ (theo khoản 3 Điều 6)

1. Địa bàn triển khai: Dự án được triển khai tại
(thuộc địa bàn tỉnh Tuyên Quang).

2. Cam kết hoạt động: Doanh nghiệp cam kết duy trì hoạt động tại Tuyên Quang tối thiểu 03 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ.

IV. CHI TIẾT NỘI DUNG VÀ KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ (theo khoản 4 Điều 6)

1. Chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D), sản xuất thử nghiệm: (Hỗ trợ 70%, tối đa 300 triệu đồng/dự án)

- Nội dung thực hiện: (Mua vật tư, thuê thiết bị kiểm thử, gia công khuôn mẫu...).
- Tổng chi phí thực tế:VNĐ.
- Số tiền đề nghị hỗ trợ:VNĐ.

2. Chi phí tư vấn khởi nghiệp:

(Hỗ trợ 100%, tối đa 40 triệu đồng/dự án)

- Nội dung tư vấn:
 - [] Tư vấn pháp lý.
 - [] Tư vấn tài chính, kế toán.
 - [] Tư vấn đăng ký sở hữu trí tuệ.
- Đơn vị tư vấn:
- Số tiền đề nghị hỗ trợ:VNĐ.

3. Chi phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ: (Hỗ trợ 50%, tối đa 100 triệu đồng/dự án)

- Nội dung mua sắm: (Mua bản quyền phần mềm, giải pháp công nghệ, bằng sáng chế).
- Tổng chi phí thực tế:VNĐ.
- Số tiền đề nghị hỗ trợ:VNĐ.

V. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG KINH PHÍ VÀ KẾT QUẢ DỰ KIẾN

1. Kế hoạch giải ngân: (Nêu rõ thời gian dự kiến thực hiện các hạng mục).
2. Kết quả đầu ra dự kiến sau khi nhận hỗ trợ: (Ví dụ: Hoàn thiện phiên bản 2.0; được cấp bằng sáng chế; đạt 1.000 người dùng...)

VI. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Chúng tôi cam kết các thông tin kê khai là trung thực.
2. Cam kết sử dụng kinh phí đúng mục đích đã thuyết minh.
3. Nếu dự án không hoàn thành hoặc báo cáo không trung thực, chúng tôi xin hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục IV**ÁP DỤNG CHO: DỰ ÁN THIẾT KẾ CHIP BÁN DẪN (theo Điều 7)****I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

1. Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 07).
2. Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 08).
3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP (hồ sơ năng lực, các hợp đồng tương tự đã thực hiện...).
4. Hồ sơ nhân sự: Danh sách trích ngang đội ngũ kỹ sư, chuyên gia (tối thiểu 05 người). Kèm theo bản sao bằng cấp chuyên môn (lĩnh vực thiết kế vi mạch, điện tử, CNTT...), hợp đồng lao động để chứng minh nhân sự thuộc doanh nghiệp.
5. Hồ sơ năng lực công nghệ: Tài liệu chứng minh quyền sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích liên quan đến thiết kế chip; Tài liệu mô tả sản phẩm mẫu (Prototype), nền tảng mô phỏng hoặc giải pháp thiết kế cụ thể.
6. Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp đã hoạt động trên 02 năm) hoặc phương án tài chính khả thi của dự án.
7. Bảng kê chi tiết các hạng mục chi phí đề nghị hỗ trợ (mua sắm trang thiết bị phòng Lab, phần mềm bản quyền, chi phí R&D, sản xuất thử nghiệm...).
8. Bản sao hợp lệ các Hợp đồng kinh tế, Hóa đơn giá trị gia tăng, Biên bản bàn giao, nghiệm thu, Chứng từ thanh toán qua ngân hàng và các tài liệu khác liên quan đến các hạng mục đề nghị hỗ trợ (để chứng minh chi phí thực tế đã bỏ ra).
9. Văn bản cam kết của doanh nghiệp (về tính chính xác của hồ sơ, cam kết không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác, cam kết báo cáo giám sát).

II. ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ (Mẫu số 07)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Tuyên Quang, ngày ... tháng ... năm 20...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ DỰ ÁN THIẾT KẾ CHIP BÁN DẪN**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Đại diện pháp luật: Chức vụ:
5. Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

II. THÔNG TIN DỰ ÁN:

1. Tên dự án:
2. Địa điểm thực hiện:
3. Lĩnh vực hoạt động: (Thiết kế vi mạch/Kiểm thử/R&D...).....

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ

STT	Nội dung	Chi phí thực tế	Tỷ lệ hỗ trợ	Đề nghị hỗ trợ	Tối đa
1	Chi phí phục vụ đào tạo và nghiên cứu: Hỗ trợ 50% chi phí mua sắm trang thiết bị phòng thí nghiệm (lab), phần mềm thiết kế chuyên dụng		50%		10 tỷ đồng
2	Chi phí nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm: Hỗ trợ 40% chi phí nghiên cứu, vật tư tiêu hao, sản xuất thử nghiệm (Fabless) và đăng ký sở hữu trí tuệ		40%		05 tỷ đồng
3	Chi phí mua sắm máy móc,		30%		15 tỷ đồng

STT	Nội dung	Chi phí thực tế	Tỷ lệ hỗ trợ	Đề nghị hỗ trợ	Tối đa
	thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ: Hỗ trợ 30% chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ phục vụ nghiên cứu và kiểm thử				

Chúng tôi cam kết nội dung kê khai là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

III. BẢN THUYẾT MINH ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ HỖ TRỢ (Mẫu số 08)

I. NĂNG LỰC NHÂN SỰ VÀ QUẢN LÝ

- Tổng số nhân sự hiện có của dự án: người.
- Số lượng kỹ sư, chuyên gia chuyên ngành (Vi mạch, Điện tử, CNTT): người (Liệt kê danh sách hoặc tham chiếu phụ lục đính kèm, đảm bảo tối thiểu 05 người theo quy định).
- Năng lực đội ngũ quản lý: (Mô tả kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án và các quản lý cấp cao trong lĩnh vực công nghệ cao).

II. NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ VÀ SẢN PHẨM

- Mô tả sản phẩm/giải pháp thiết kế chip của dự án:
- Tình trạng sở hữu trí tuệ (Bằng sáng chế, giải pháp hữu ích đã đăng ký):...
- Kế hoạch thương mại hóa hoặc ứng dụng sản phẩm (trong quốc phòng, nông nghiệp, AI, IoT...):.....

III. HỢP TÁC LIÊN KẾT

Mô tả các hoạt động hợp tác với Viện, Trường, Doanh nghiệp đối tác (kèm theo minh chứng Hợp đồng/MOU):

IV. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

- Tác động đến chuỗi cung ứng bán dẫn tại tỉnh Tuyên Quang:.....
- Khả năng mở rộng quy mô và doanh thu dự kiến:.....

V. BẢNG KÊ CHI PHÍ ĐẦU TƯ THỰC TẾ

(Liệt kê chi tiết các hóa đơn, chứng từ tương ứng với hạng mục đề nghị hỗ trợ)

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu Hóa đơn/Chứng từ	Ngày tháng	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
1	Chi phí thiết bị phòng Lab, phần mềm				
1.1	Mua phần mềm thiết kế Synopsys/Cadence...				
...	...				
2	Chi phí R&D, sản xuất thử nghiệm				
...	...				

VI. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Cam kết sở hữu hợp pháp đối với các thiết kế và tài sản trí tuệ hình thành từ dự án.

2. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ và chứng từ thanh toán.

....., ngày tháng năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục V
ÁP DỤNG CHO: DOANH NGHIỆP THAM GIA CHUỖI CUNG ỨNG BÁN DẪN
(theo Điều 8)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

1. Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 09).
2. Bản Tài liệu chứng minh năng lực doanh nghiệp Việt Nam theo quy định tại Nghị định số 88/2025/NĐ-CP.thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 10).
3. Hồ sơ nhân sự kỹ thuật: Danh sách trích ngang và bản sao bằng cấp của tối thiểu 05 kỹ sư, chuyên gia thuộc các chuyên ngành điện tử, CNTT, vật liệu bán dẫn hoặc cơ điện tử; kèm theo Hợp đồng lao động.
4. Tài liệu kỹ thuật mô tả sản phẩm phụ trợ, vật tư, hóa chất, linh kiện hoặc thiết bị điện tử của dự án; bằng chứng chứng minh sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành bán dẫn.
5. Báo cáo tài chính hoặc hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.
6. Đối với hỗ trợ chi phí sản xuất mẫu thử và khuôn mẫu:
 - Hợp đồng thiết kế/chế tạo khuôn mẫu; Hóa đơn mua vật tư tiêu hao.
 - Biên bản bàn giao sản phẩm mẫu (First Article) và tài liệu xác nhận/thẩm định của đối tác khách hàng về sản phẩm mẫu.
7. Đối với hỗ trợ chi phí kiểm định và chứng nhận chất lượng:
 - Hợp đồng với đơn vị đo kiểm, cấp chứng nhận;
 - Hóa đơn tài chính và Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng/kết quả thử nghiệm đã được cấp.
8. Đối với hỗ trợ chi phí đầu tư thiết bị và công nghệ:
 - Hợp đồng mua bán dây chuyền, thiết bị, bản quyền công nghệ;
 - Biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng; Hóa đơn GTGT; Tờ khai hải quan (nếu là hàng nhập khẩu).
9. Văn bản cam kết về tính chính xác của hồ sơ, cam kết hoạt động ổn định và báo cáo giám sát theo quy định.

II. ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ (Mẫu số 09)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Tuyên Quang, ngày ... tháng ... năm 20...***ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ
DOANH NGHIỆP THAM GIA CHUỖI CUNG ỨNG BÁN DẪN**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:
 2. Mã số thuế:
 3. Địa chỉ:
 4. Đại diện pháp luật: Chức vụ:
 5. Số tài khoản: Tại Ngân hàng:
- Lưu ý: Tổng mức hỗ trợ các nội dung không quá 03 tỷ đồng/dự án.

STT	Nội dung	Chi phí thực tế	Tỷ lệ hỗ trợ	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất mẫu thử và khuôn mẫu: Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế, chế tạo khuôn mẫu, vật tư tiêu hao để sản xuất sản phẩm mẫu (First Article) gửi đối tác thẩm định		50%	
2	Chi phí kiểm định và chứng nhận chất lượng: Hỗ trợ 50% chi phí đo kiểm, hiệu chuẩn, thử nghiệm và cấp giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu của chuỗi cung ứng		50%	
3	Chi phí đầu tư thiết bị và công nghệ: Hỗ trợ 30% chi phí mua sắm dây chuyền, thiết bị mới, bản quyền công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất, độ chính xác của sản phẩm		30%	
	TỔNG CỘNG			

CAM KẾT: Cam kết sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và cung cấp cho chuỗi cung ứng bán dẫn/điện tử.

Chúng tôi cam kết nội dung kê khai là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

III. BẢN THUYẾT MINH ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ HỖ TRỢ (Mẫu số 10)

I. NĂNG LỰC KỸ THUẬT VÀ NHÂN SỰ

1. Đội ngũ kỹ thuật:

- Tổng số kỹ sư chuyên ngành (Điện tử/CNTT/Vật liệu/Cơ điện tử):..... người.
- Trình độ (Thạc sĩ/Kỹ sư...):.....(Kèm danh sách chi tiết tại Phụ lục)

2. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (ISO 9001/IATF 16949...):

Tổ chức cấp: Hiệu lực đến:

II. SẢN PHẨM VÀ VỊ TRÍ TRONG CHUỖI CUNG ỨNG

1. Mô tả sản phẩm: (Nêu rõ là vật tư, khuôn mẫu hay thiết bị điện tử; thông số kỹ thuật chính đáp ứng chuẩn ngành bán dẫn).

2. Đối tác tiêu thụ/liên kết:

- o Tên đối tác (Doanh nghiệp bán dẫn/điện tử):
- o Hình thức hợp tác (Hợp đồng cung ứng/MOU/Chuyển giao công nghệ): ...
- o Kết quả thẩm định sản phẩm mẫu (nếu có):

III. BÁO CÁO CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ

(Giải trình chi tiết cho nội dung đề nghị hỗ trợ)

1. Về khuôn mẫu và sản phẩm mẫu (nếu có):

- Loại khuôn mẫu/sản phẩm:
- Đơn vị chế tạo/gia công:

2. Về thiết bị và công nghệ mới đầu tư (nếu có):

- Tên dây chuyền/thiết bị:
- Xuất xứ/Năm sản xuất:
- Mục tiêu: (Nâng cao độ chính xác/Tăng năng suất...)

IV. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Cam kết sản phẩm làm ra đáp ứng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật của đối tác.
2. Cam kết các chi phí kê khai là thực tế và phục vụ trực tiếp cho việc tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn.
3. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ.

....., ngày tháng năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)